

Số: 2097 /QĐ-UBND

Nhà Bè, ngày 06 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách đủ điều kiện, tiêu chuẩn và không đủ điều kiện, tiêu chuẩn
tham dự kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng
11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức,
viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề
nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng
ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;*

*Căn cứ Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của
Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định phân cấp tuyển dụng, sử
dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân Huyện về tổ chức tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo
năm 2023;*

*Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo
năm 2023 tại Báo cáo số 1905/BC-HĐTDVC ngày 05 tháng 9 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách **190** thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự
kỳ tuyển dụng viên chức năm 2023 (Phụ lục 01 đính kèm).

Điều 2. Phê duyệt danh sách **14** thí sinh không đủ điều kiện, tiêu chuẩn
tham dự kỳ tuyển dụng viên chức năm 2023 (Phụ lục 02 đính kèm).

Điều 3. Giao Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023 thực hiện thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi và tổ chức kỳ thi theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ và Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, các thành viên Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND Huyện: CT, PCT (phụ trách);
- Ban Giám sát;
- VP.HĐND&UBND Huyện: CVP, TH;
- Lưu: VT, PNV,t.

CHỦ TỊCH



Triệu Đỗ Hồng Phước

**DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THAM DỰ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023**
(Đính kèm theo Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19
1	Phan Thị Hồng	Ngọc	4	6	1990	x	Trường Mầm non Hòa Mi	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
2	Nguyễn Hương	Giang	1	9	2002	x	Trường Mầm non Hòa Mi	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
3	Nguyễn Lữ Phương	Tuyền	11	7	1994	x	Trường Mầm non Hòa Mi	Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Cao đẳng	Công nghệ sinh học	Tiếng Anh B	B			
4	Huỳnh Hồng	Hạnh	19	11	1991	x	Trường Mầm non Hòa Mi	Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Cao đẳng	Marketing tổng hợp		Ứng dụng CNTT cơ bản			
5	Huỳnh Phương	Anh	10	12	1999	x	Trường Mầm non Hòa Mi	Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Cao đẳng	Quản trị khách sạn	TOEIC 365	Ứng dụng CNTT cơ bản			
6	Trương Thị Ngọc	Dăng	12	4	2002	x	Trường Mầm non Hòa Sen	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		Ứng dụng CNTT cơ bản	ĐT2	5	
7	Trần Ngọc Kim	Châu	27	4	1996	x	Trường Mầm non Hòa Sen	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Dại học	Giáo dục mầm non					
8	Đoàn Ngọc Uyên	Vy	12	1	2002	x	Trường Mầm non Hòa Sen	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
9	Dương Thị Ngọc	Hương	22	3	2002	x	Trường Mầm non Hòa Sen	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
10	Đặng Hoàng Huyền	Hân	15	3	2001	x	Trường Mầm non Hòa Sen	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Dại học	Giáo dục mầm non		Ứng dụng CNTT cơ bản			
11	Huỳnh Thị Phương	Dung	10	12	2001	x	Trường Mầm non Hòa Sen	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Dại học	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
12	Lê Thị Diệu	Hiền	23	8	1996	x	Trường Mầm non Hòa Sen	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		Ứng dụng CNTT cơ bản			
13	Trần Thị Diễm	Trình	11	6	1995	x	Trường Mầm non Hướng Dương	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Dại học	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh A2	Ứng dụng CNTT cơ bản			
14	Lê Tuyết	Hồng	20	5	1993	x	Trường Mầm non Hướng Dương	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Dại học	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	A			
15	Trương Thị Minh	Thảo	25	4	1992	x	Trường Mầm non Hướng Dương	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	A			
16	Mai Thùy	Dương	9	6	2000	x	Trường Mầm non Hướng Dương	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		Ứng dụng CNTT cơ bản			
17	Hồ Nhật Mỹ	Uyên	5	10	2000	x	Trường Mầm non Hướng Dương	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
18	Lương Thị Hồng	Thủy	25	10	1999	x	Trường Mầm non Hướng Dương	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19
19	Võ Thị Thu	Hương	13	2	1993	x	Trường Mầm non Hướnng Dương	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	A			
20	Hồ Thị Ánh	Vân	20	7	1995	x	Trường Mầm non Hướnng Dương	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
21	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	17	8	1995	x	Trường Mầm non Hướnng Dương	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Đại học	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
22	Phạm Thị Ngọc	Phương	18	10	2000	x	Trường Mầm non Hướnng Dương	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh giao tiếp nâng cao	Tin học ứng dụng văn phòng			
23	Nguyễn Thị Hồng	Thùy	9	7	1995	x	Trường Mầm non Sao Mai	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
24	Nguyễn Thu	Trang	6	11	1982	x	Trường Mầm non Sao Mai	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
25	Trần Thị Kim	Yến	1	9	1997	x	Trường Mầm non Sao Mai	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Đại học	Giáo dục mầm non					
26	Phạm Thị Hồng	Thắm	7	11	1998	x	Trường Mầm non Sao Mai	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Đại học	Giáo dục mầm non					
27	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	16	11	1998	x	Trường Mầm non Sao Mai	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Đại học	Giáo dục mầm non					
28	Lê Thị Kim	Hoàn	13	1	1996	x	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Đại học	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
29	Lê Hồ Hải	Yến	30	5	1988	x	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Đại học	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	A			
30	Phạm Thị Ngọc	Giàu	15	12	1996	x	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Đại học	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
31	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	2	10	1994	x	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Đại học	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	B			
32	Nguyễn Thị Minh	Diệu	03	01	1980	x	Trường Mầm non Đồng Xanh	Giáo viên Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Đại học	Sư phạm mầm non	Tiếng Anh B	B			
33	Nguyễn Phương Hồng	Hạnh	22	12	1992	x	Trường Mầm non Đồng Xanh	Giáo viên Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Sư phạm mầm non	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
34	Hà Thị Thanh	Ngân	03	01	2001	x	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
35	Huỳnh Thị Anh	Thư	25	09	1999	x	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
36	Đào Thị Bảo	Anh	14	08	1999	x	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh					
37	Trịnh Minh	Thế	10	07	1991		Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Giáo viên dạy Tin học	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Sư phạm tin	Tiếng Anh B1	Đại học	ĐT2	5	
38	Nguyễn Hoàng	Vũ	04	02	1998		Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục thể chất	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
39	Phạm Thành	Trung	05	08	2001		Trường Tiểu học Bùi Văn Ba	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEIC 460	Ứng dụng CNTT cơ bản			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19
40	Huỳnh Thị Tú	Trinh	28	05	1999	x	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Tiếng Anh A2	Ứng dụng CNTT nâng cao			
41	Nguyễn Thị Phương	Dung	21	12	1994	x	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Kỹ sư	Công nghệ thực phẩm		B			
42	Bùi Thị Mai	Trâm	9	10	1991	x	Trường Tiểu học Lê Lợi	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
43	Nguyễn Thị Kim	Thủy	3	8	1998	x	Trường Tiểu học Lê Lợi	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Ngôn ngữ Anh		Ứng dụng CNTT cơ bản			
44	Lê Trần Diễm	My	1	7	2001	X	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học		Ứng dụng CNTT cơ bản			
45	Vân Thị Huyền	Trang	7	1	2001	X	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
46	Đường Hoàng Khánh	Linh	9	12	2001	X	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học		Ứng dụng CNTT cơ bản			
47	Nguyễn Tăng Ngọc	Dung	18	12	1997	X	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục Thể chất	Tiếng Anh A2	Ứng dụng CNTT cơ bản			
48	Nguyễn Thị Kim	Cúc	19	6	1998	X	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Ngôn ngữ Anh		Ứng dụng CNTT cơ bản			
49	Nguyễn Phương	Quan	5	3	1981		Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	B			
50	Trần Thị Ngọc	Thủy	10	6	1997	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
51	Phạm Ngọc Đan	Mai	31	5	1995	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B1	B			
52	Nguyễn Thị Hương	Lài	27	7	1993	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	B			
53	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	29	10	2001	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B2	Ứng dụng CNTT cơ bản			
54	Nguyễn Tấn	Trung	22	7	1995		Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học					
55	Nguyễn Huỳnh	Như	15	12	1998	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
56	Hồ Thị Tú	Trinh	1	12	1996	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT nâng cao			
57	Huỳnh Trọng	Ân	25	5	1976		Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	A			
58	Trần Hữu	Tinh	21	12	1991		Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục thể chất	Tiếng Anh A1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
59	Nguyễn Lý Bảo	Thư	11	5	1996	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục thể chất	Tiếng Anh A2	Ứng dụng CNTT cơ bản			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19
60	Nguyễn Văn	Thắng	01	05	1993		Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Pháp B	Tin học ứng dụng			
61	Trần Thị Ngọc	Huyền	18	06	2001	x	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
62	Nguyễn Thị Thùy	Linh	09	07	2001	x	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
63	Cao Thị Triệu	Vi	06	10	2001	x	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục Tiểu học		Ứng dụng CNTT cơ bản			
64	Nguyễn Minh	Hải	04	12	2001		Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
65	Bùi Thị Hồng	Vân	19	01	1995		Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Tiếng Anh B	B			
66	Tổng Thị Mỹ	Hương	25	12	1989	x	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng IV	V.11.06.15	Cao đẳng	Tin học ứng dụng					
67	Nguyễn Thị	Trang	19	07	1989	x	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Kế toán	Kế toán viên trung cấp	06.032	Cao đẳng	Kế toán	Tiếng Anh A2	Ứng dụng CNTT cơ bản	DT2	5	
68	Nguyễn Thị	Son	01	10	1992	x	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Kế toán	Kế toán viên trung cấp	06.032	Đại học	Kế toán	Tiếng Anh B	B			
69	Phan Thị	Ngân	10	10	1992		Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Kế toán	Kế toán viên trung cấp	06.032	Đại học	Kế toán Kiểm toán	Tiếng Anh B	B			
70	Lê Văn	Toàn	02	03	1995		Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thê	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	B			
71	Trần Thúy	Phượng	21	08	1998	x	Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thê	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
72	Nguyễn Quỳnh	Thư	03	01	2001	x	Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thê	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
73	Trần Thị	Hoa	12	02	1985	x	Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thê	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
74	Nguyễn Thị Kim	Chi	22	12	1994	x	Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thê	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	A			
75	Diệp Bích	Vân	25	04	2001	x	Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thê	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học		Ứng dụng CNTT cơ bản			
76	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	23	11	2001	x	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
77	Lê Dương Thùy	Linh	24	1	1999	x	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học		Ứng dụng CNTT cơ bản			
78	Trương Phạm Nhật	Minh	7	11	2001	x	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học		Ứng dụng CNTT cơ bản			
79	Lê Huỳnh Thanh	Ngân	7	6	2001	x	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
80	Nguyễn Quốc	Huy	1	12	1995		Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Giáo viên dạy thể dục	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Huấn luyện thể thao (Bóng đá)	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19
81	Huỳnh Thị Kim	Lan	27	1	1998	x	Trường Tiểu học Nguyễn Trực	Giáo viên dạy thể dục	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Huấn luyện thể thao (Diễn kinh)					
82	Nguyễn Thanh	Tú	12	1	1988		Trường Tiểu học Nguyễn Trực	Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp	Y sĩ	Tiếng Anh A2	Ứng dụng CNTT cơ bản			
83	Cao Ngọc Phương	Quyên	18	12	1997	x	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học					
84	Trương Thị Mỹ	Anh	3	3	1995	x	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Tiếng Anh thương mại					
85	Huỳnh Thị Thu	Thảo	27	5	1991	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
86	Trịnh Thị Diễm	Sương	20	9	1996	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
87	Nguyễn Ngọc	Bích	10	5	2001	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
88	Hồ Thị	Tinh	28	6	1995	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
89	Nguyễn Ngọc Mỹ	Thuyền	8	11	2001	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học					
90	Nguyễn Hoàng	Khôi	20	3	2001		Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
91	Trần Thị Tuyết	Trinh	28	3	2001	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
92	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	2	1	2001	x	Trường Tiểu học Tạ Uyên	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học		Ứng dụng CNTT cơ bản			
93	Hồ Thị Thanh	Phương	30	1	1995	x	Trường Tiểu học Tạ Uyên	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Ngôn ngữ anh	Tiếng Hoa B	B			
94	Trần Minh	Sang	14	3	1997		Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy Tin học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Tin học	Tiếng Anh A2	Đại học			
95	Phạm Quang	Nghĩa	21	6	1994		Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Toán					
96	Lương Thị Mỹ	Thiều	20	2	1990	X	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Tiếng Anh		Tin học ứng dụng			
97	Nguyễn Thùy	Phương	25	1	1999	X	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Ngôn ngữ Anh					
98	Trịnh Văn	Hiếu	14	4	1972		Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy Địa lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Địa lý	Tiếng Anh B	A			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					DT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19
99	Phan Thị	Tinh	4	1	1978	X	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Thạc sĩ	Lý luận dạy học và phương pháp dạy học Văn và tiếng Việt	Tiếng Anh B	A			
100	Trần Thị	Phương	10	10	1994	X	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn	Tiếng Anh B1	B			
101	Lê Nguyễn Xuân	Sinh	21	1	1985		Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Thạc sĩ	Toán giải tích					
102	Trần Thị Hồng	Phân	15	8	1996	X	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp	Hành chính - văn thư					
103	Lê Thị Ngọc	Tuyền	26	5	1994	X	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Anh	Đại học sư phạm Nga	Ứng dụng CNTT nâng cao			
104	Trần Đào Lê Mỹ	Thùy	8	9	1991	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Lịch sử	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Lịch sử		B			
105	Nguyễn Duy	Trường	15	3	2000		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Lịch sử	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
106	Nguyễn Quỳnh	Hương	18	12	1993	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		A			
107	Cao Hồng	Nhung	10	4	1998	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Sinh học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
108	Phạm Ngọc	Anh	11	10	1987		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Giáo dục thể chất	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
109	Trương Vĩnh	Thống	18	5	1983		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Giáo dục thể chất					
110	Nguyễn Thị Hoa	Son	11	12	1989	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Giáo dục thể chất	Tiếng Anh A2	Ứng dụng CNTT cơ bản			
111	Trần Ngọc	Vỹ	18	2	1996		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	TOEIC 860				
112	Nguyễn Xuân	Hải	10	1	1984		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Ngôn ngữ Anh		Ứng dụng CNTT cơ bản			
113	Ôn Đình	Phúc	28	1	1970		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Tin học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Kỹ sư máy tính		Đại học			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19
114	Võ Minh	Luân	1	1	1990		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Âm nhạc	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
115	Lưu Xuân	Vinh	15	6	1984		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Ngữ Văn	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản	ĐT2	5	
116	Nguyễn Thị	Lý	2	6	1996	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
117	Trần Thị Quỳnh	Như	22	4	2001	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Sinh học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
118	Nguyễn Văn	Tân	8	1	2001		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Sinh học		Ứng dụng CNTT cơ bản			
119	Nguyễn Lê Tiến	Phát	15	10	2001		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Nhật N4	Ứng dụng CNTT cơ bản			
120	Lê Thị Hải	Lý	28	5	1997	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh					
121	Trần Hoàng	Khoa	11	8	2001		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán học	Tiếng Anh B2	Ứng dụng CNTT cơ bản			
122	Tạ Hoàng	Bảo	17	9	1998		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán học					
123	Nguyễn Châu Tuấn	Sang	27	9	2000		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
124	Nguyễn Thành	Nghĩa	16	1	1997		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán học		Ứng dụng CNTT cơ bản			
125	Bùi Công	Sơn	26	12	1990		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Toán học	Tiếng Anh B	B			
126	Nguyễn Thị Đông	Thảo	27	10	1984	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn toán học					
127	Đỗ Thị Thanh	Thảo	19	9	2001	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
128	Phan Thanh	Bình	16	9	1984		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Thủ quỹ	Cán sự	01.004	Đại học	Kế toán			ĐT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19
129	Ngô Thị Ngọc	Quyên	27	8	1982	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Thủ quỹ	Cán sự	01.004	Đại học	Kế toán	Tiếng Anh B				
130	Nguyễn Thị Hồng	Chiến	19	5	1991	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Sư - Giáo dục công dân					
131	Huỳnh Thị	Thúy	25	3	1998	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Giáo dục chính trị					
132	Lại Thị Thùy	Linh	19	5	1988	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Lịch sử	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Lịch sử Việt Nam	Tiếng Anh B	Tin học cơ bản			
133	Trần Thị Tuyết	Ngân	28	7	2000	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
134	Huỳnh Thị Phương	Kiều	27	9	1988	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
135	Lê Huỳnh	Kim	6	6	1999	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
136	Nguyễn Trung	Tín	17	9	2001		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm tiếng Anh		Ứng dụng CNTT cơ bản			
137	Vô Thành	Phát	3	12	1994		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán					
138	Trần Thị	Doan	11	9	2001	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán		Ứng dụng CNTT cơ bản			
139	Nguyễn Thị	Huyền	23	9	1998	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
140	Lê Nguyễn Thanh	Liêm	19	6	2000		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán	Tiếng Anh B2	Ứng dụng CNTT cơ bản			
141	Phan Phú	Quý	16	8	1999		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
142	Nguyễn Hồng	Phúc	15	9	2001		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán học		Ứng dụng CNTT cơ bản			
143	Phan Văn	Tân	29	3	1987		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán	Tiếng Anh B	A			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19
144	Phạm Xuân	Hiền	2	1	1972		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp	Y sĩ y học cổ truyền			ĐT3	2,5	
145	Lê Thị Ngọc	Hiền	10	7	1996	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Thể dục	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			Chứng chỉ công tác thư viện
146	Hồ Ngọc Mai	Trần	10	1	2001	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Địa lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Lịch sử -Địa lý	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
147	Ngô Thị Thu	Hiền	13	3	2000	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Địa lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Địa lý	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
148	Hồ Phan Hữu	Toàn	19	3	1999		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh C1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
149	Trần Nhứt	Minh	2	5	2001		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	TOEIC 850	Ứng dụng CNTT cơ bản			
150	Trần Thị Thúy	Uyên	19	5	1995	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh C	Ứng dụng CNTT nâng cao			
151	Lê Ngọc	Phượng	15	3	1981	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Pháp A	A			
152	Dương Đức	Phi	18	10	1979		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		Ứng dụng CNTT cơ bản			
153	Nguyễn Bá	Phước	16	11	1971		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh B1	Tin học văn phòng			
154	Phạm Thị	Loan	25	02	1989	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Hóa học	Tiếng Anh B	B			
155	Nguyễn Thị Minh	Thu	01	12	1995	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học	Tiếng Anh B1	A			
156	Lưu Li	Dung	03	11	1990	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Hóa học					
157	Trần Thị Bích	Hào	06	05	1999	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Hóa học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					DT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19
158	Nguyễn Hà Tường	Vy	02	8	2001	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
159	Nguyễn Thị Yến	Thu	15	12	1997	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Ngữ văn					
160	Vũ Thị	Hòa	17	9	1996	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Sinh học	Tiếng Anh A2	A			
161	Nguyễn Minh	Học	17	03	1995		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Giáo dục chính trị					
162	Phạm Thị Quý	Ngọc	04	9	1997	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Pháp B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
163	Bùi Minh	Châu	03	06	2001	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán		Ứng dụng CNTT cơ bản			
164	Châu Thị Tuyết	Lan	29	11	1993	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Thạc sĩ	Toán Ứng dụng	Tiếng Anh B	B			
165	Trần Thị	Lâm	12	1	1998	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán	Tiếng Anh B1	Đại học			
166	Lê Hoàng Thanh	Trúc	21	6	1989		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán	Tiếng Anh B	B			
167	Trần Minh	Đức	02	03	1992		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán	Tiếng Anh A2	Ứng dụng CNTT cơ bản			
168	Nông Đức	Huy	06	02	1993		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
169	Nguyễn Thị	Huyền	10	6	1979	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Sinh học	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
170	Hoàng Thị Mỹ	Ngọc	8	1	2001	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Sinh học	Tiếng Anh B1				
171	Trần Quang	Thái	16	07	1988		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Ngôn ngữ Anh		Đại học			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					DT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19
172	Đổng Quang	Phục	24	04	1993		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp	Y sĩ					
173	Nguyễn Minh	Hung	09	5	1998		Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Giáo dục chính trị	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản	ĐT3	2,5	
174	Nguyễn Thị Như	Phương	12	12	1998	x	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Lịch sử	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
175	Võ Ngọc Khôi	Nguyên	18	7	2000	x	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Sinh học	IELTS 5.5	Ứng dụng CNTT cơ bản			
176	Phạm Đoàn Khánh	Huy	12	6	2001		Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Sinh học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
177	Lâm Thanh	Ngọc	9	3	1994	x	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Tiếng anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
178	Dương Thị Kiều Xuân	Mộng	5	12	1993	x	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Tiếng anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Pháp A; Tiếng Anh B2	Ứng dụng CNTT cơ bản			
179	Trần Nhật	Tân	20	5	2000		Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Tiếng anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	IELTS 6.5	Ứng dụng CNTT cơ bản			
180	Bùi Ánh	Try	15	11	1976		Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán	Tiếng Anh B	A			
181	Nguyễn Quốc	Sinh	25	5	1985		Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán					
182	Hoàng Văn	Vũ	1	1	1983		Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Đại học	Kĩ sư công nghệ thông tin	Tiếng Anh A2	Đại học			
183	Nguyễn Huy	Hải	02	4	1986		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ	Giáo viên dạy Tin học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Công nghệ Thông tin	Tiếng Anh B2				
184	Lâm Thúy	Vy	19	5	1997	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Giáo dục Chính trị	Tiếng Anh A2	Ứng dụng CNTT cơ bản			
185	Huỳnh Thị Ánh	Tuyết	2	3	1997	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Giáo dục Chính trị		Ứng dụng CNTT cơ bản			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19
186	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	28	5	2001	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quý	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Giáo dục Chính trị	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
187	Nguyễn Hồng	Phương	5	3	1991	x	Trường Trung học cơ sở Phước Lộc	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Ngữ văn	Tiếng Anh B	B			
188	Lê Thanh	Tùng	11	8	1993		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Đào tạo nghề, hướng nghiệp	Chuyên viên	01.003	Đại học	Luật	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản	DT3	2,5	
189	Huỳnh Minh	Đăng	22	6	1994		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Giáo vụ	Viên chức giáo vụ	V.07.07.21	Đại học	Luật	TOEIC 440	Ứng dụng CNTT cơ bản			
190	Hà Thị Mộng	Huyền	30	7	1998	x	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Giáo vụ	Viên chức giáo vụ	V.07.07.21	Đại học	Quản lý giáo dục					

Danh sách có 190 (Một trăm chín mươi) người./.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ



DANH SÁCH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THAM DỰ KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023

(Đính kèm theo Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Lý do không đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					
1	Lê Thị Ngọc	Châu	08	12	1982	x	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Pháp A	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo viên trung cấp chuyên nghiệp
2	Trần Trọng	Thức	5	4	1994		Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	B	Phiếu đăng ký dự tuyển không đầy đủ thông tin
3	Võ Thị Hồng	Gấm	24	3	1989	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Ngôn ngữ anh	Tiếng Hoa B	Tin học Đại cương	Chưa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm
4	Lâm Thị Kim	Ngân	22	1	1996	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy Tin học	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh B1		Chưa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm
5	Trần Thị	Phường	24	2	1992	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (hạng IV)	V.07.06.16	Trung cấp	Điều dưỡng	Tiếng Anh A	A	Chứng chỉ nghiệp vụ về hỗ trợ giáo dục người khuyết tật
6	Lê Nguyễn Thế	Bảo	11	10	2000		Trường Tiểu học Tạ Uyên	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Ngôn ngữ anh	Tiếng Anh B2	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giảng viên đại học, cao đẳng
7	Nguyễn Hà	Nhi	11	11	2001	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Ngữ Văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Ngữ văn			Có đơn xin rút Phiếu đăng ký dự tuyển
8	Cao Huỳnh Khánh	Linh	9	11	1997	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Trung A	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo viên tiếng Anh trung học phổ thông
9	Trần Thị Kim	Phi	10	5	1998	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Ngữ Văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Ngữ văn			Có đơn xin rút Phiếu đăng ký dự tuyển
10	Hoàng Hồng	Nguyên	10	11	1992	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Ngôn ngữ Anh			Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo viên tiếng Anh trung học phổ thông; giảng viên đại học, cao đẳng
11	Nguyễn Văn	Mạnh	20	8	2001		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản	Phiếu đăng ký dự tuyển không đầy đủ thông tin
12	Trần Minh	Thạch	7	10	1985		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bỉnh Khiêm	Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Tiếng Anh A2	Ứng dụng CNTT cơ bản	Nộp hồ sơ 02 trường
13	Đào Văn	Mỹ	4	3	1997		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Toán học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên trung học phổ thông
14	Nguyễn Tuấn	Vũ	31	10	1994		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Thiết bị, thí nghiệm	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	V.07.07.20	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Tiếng Anh A2	Ứng dụng CNTT nâng cao	Văn bằng, chứng chỉ không phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm

Danh sách có 14 (mười bốn) người.